

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-PT

Ngày: 24-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/TLPT-HS ngày 08-3-2018 đối với các bị cáo Bùi Văn Hg, Phạm Duy H, Lại Hoàng L; do kháng cáo của các bị cáo, của bị hại ông Phan Hồng H, bà Phan Thị Mỹ H; đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn Hg**; sinh năm 1986 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKTT và cư trú: Tổ dân phố b, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn H, sinh năm 1958; con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Vợ: Mai Thị M, sinh năm 1986; Có 2 con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015;

- Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19-7-2017; hiện đang bị giam giữ nhà tạm giữ Công an huyện Cát Tiên; Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Duy H**; sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKKTT và cư trú: Tổ dân phố m, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Duy B, sinh năm 1955; con bà: Đào Thị N, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Không; tiền sự: QĐ 111/QĐ-XPHC ngày 13-10-2008 phạt tiền 350.000đ về hành vi đánh nhau (*chưa chấp hành*). Bị cáo bị bắt tạm giam từ

ngày 19-7-2017; hiện đang bị giam giữ nhà tạm giữ Công an huyện Cát Tiên; Có mặt.

3. Họ và tên: **Lại Hoàng L**; sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lại Văn T, sinh năm 1957; con bà: Vũ Thị Ý L, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án 12/2013/HSST ngày 19-6-2013 của TA huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng từ ngày 19-6-2013 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (*chấp hành xong ngày 19-12-2015*). Bị cáo bị bắt, bị tạm giam từ ngày 19-7-2017; hiện đang bị giam giữ nhà tạm giữ Công an huyện Cát Tiên; Có mặt.

Người bào chữa: Ông Lê Anh Vũ; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

Bị hại kháng cáo:

- Ông **Phan Hồng H**; sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn n, xã HK, huyện TL, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ liên hệ: Ấp TL, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn LN, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

- Bà **Phan Thị Mỹ H** (*tên gọi khác bà N*); sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn NH, xã NN, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

Bị hại liên quan đến kháng cáo:

- Ông **Ngô Bửu L**; sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn SV, xã CH, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận; Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1960; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn MP, xã ĐQ, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Phi H**; sinh năm 1959; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn LC, xã HH, huyện NH, Tỉnh Ninh Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ ngày 18-7-2017, bị cáo Hg, bị cáo H, bị cáo L cùng uống cà phê (*quán đối diện cây xăng gần cổng chợ Cát Tiên*). Tại đây bị cáo Hg nói với bị cáo H, bị cáo L “*hiện nay có một số bầy vịt nơi khác đưa về huyện Cát Tiên chăn thả, nên rủ bị cáo H, bị cáo L tìm những người này để đòi tiền **bảo kê***” và được các bị cáo H, bị cáo L đồng ý tham gia. Phương thức thực hiện, bị cáo Hg sẽ dẫn các bị cáo H, bị cáo L đi tìm gặp các chủ vịt (*do bị cáo Hg trước đây*

cũng làm nghề chăn nuôi vịt, nên biết các khu vực đồng ruộng các chủ vịt có thể đưa vịt tới chăn thả). Khi gặp các chủ vịt, các bị cáo dùng lời lẽ và dùng các thủ đoạn khác nhằm uy hiếp tinh thần các chủ vịt như “Hỏi vịt của ai? Ai dẫn về? Về chăn thả đã hỏi ai chưa?” hoặc nói “không được chăn thả tại đây, nếu muốn chăn thả phải đóng tiền hàng tháng, nếu chăn thả có người tới quấy phá, hủy hoại bầy vịt thì đừng có trách”. Khi các chủ vịt lo sợ và đồng ý đóng tiền, bị cáo Huy là người đưa ra mức tiền phải đóng và là người nhận tiền, giữ tiền; bị cáo Lâm giữ vai trò hỗ trợ.

Sau khi đã bàn bạc thống nhất, bị cáo Hg dùng xe mô tô của mình (hiệu JAMAHA, biển số 60R3-2660) chở các bị cáo H, bị cáo L vào hướng xã GV, xã NN gặp 01 bầy vịt. Lúc này, bà H (tên thường gọi là N) đưa cơm cho người chăn vịt ăn đi tới, bị cáo Hg liền hỏi “Vịt này là của ai?” bà H nhận vịt của mình; bị cáo Hg hỏi tiếp “Cô ở đâu xuống, cô xuống lâu chưa?”, bà H nói “từ Di Linh xuống, mới xuống được một thời gian, đàn vịt nuôi chung với người cháu tên T nhà ở xã NN”; bị cáo Hg hỏi tiếp “Cô hỏi ai chưa mà đưa vịt xuống đây chăn, vậy là không được rồi, cô đưa vịt về đây chăn phải đưa bọn tôi tiền uống cà phê”; bà H nói “Thôi cô biết rồi, để cô gửi anh em tiền uống cà phê, có gì T là cháu cô sẽ nói chuyện với tụi cháu”. Bị cáo H trao đổi số điện thoại với bà H, sau đó các bị cáo đi về.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh T (cháu của bà H) điện thoại vào số máy của bị cáo H, hẹn gặp nhóm của bị cáo H để nói chuyện tiền bạc, bị cáo Hg điều khiển xe mô tô của mình chở bị cáo H, bị cáo L vào đến khu vực nghĩa địa xã GV thì thấy có một người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi điều khiển xe mô tô đi từ hướng xã NN đi ra; bị cáo Hg nhận ra ông H làm nghề nuôi vịt đưa về Cát Tiên chăn thả; bị cáo Hg vẫy ông H dừng xe lại, sau đó bị cáo Hg hỏi ông H “Chú lên đây chăn vịt đã hỏi ai chưa mà lên?” ông H trả lời “lên đây chăn vịt chung với ông CH một nửa”; bị cáo Hg nói tiếp “Chú đừng có nói láo, chú đi đâu, làm gì tôi biết hết”; bị cáo L nói với ông H “**Bây giờ ông muốn đi hay muốn ở, ông muốn bầy vịt của ông dứt hết đầu à, giờ không quanh co, lằng nhằng gì nữa**”; bị cáo Hg nói “Bầy vịt của ông H mới chở về Tư Nghĩa phải đóng cho chúng tôi 7.000.000đ/tháng, ông không tin tôi đưa số điện thoại cho mà hỏi”, cùng lúc này bà H cũng đi đến và điện thoại cho anh T (cháu bà H) đến; bị cáo H nói với ông H, bà H “**phải đóng số tiền 7.000.000đ/tháng nếu muốn tiếp tục được chăn thả vịt tại đây**”, nên anh T lấy 500.000đ (tiền mệnh giá 500.000đ) nhét vào túi bị cáo H và nói “**Mấy anh cầm mấy đồng uống cà phê**”, bị cáo Huy thấy ít không nhận.

Khi nghe nhóm của bị cáo Hg đưa ra mức tiền phải đóng, ông H, bà H năn nỉ xin giảm xuống lý do “*mức đó quá cao, vịt chưa đẻ, chưa có tiền mua lúa cho vịt ăn*”; bà H nói nhóm của bị cáo Hg “*cầm đỡ 2.000.000đ khi nào vịt đẻ sẽ đưa thêm*” nhưng nhóm của bị cáo Hg vẫn không đồng ý. Ông H, bà H tiếp tục năn nỉ, nói hoàn cảnh khó khăn, xin giảm số tiền xuống thì bị cáo H đồng ý và nói “*mỗi người phải đóng 5.000.000đ/tháng*”. Bị cáo H lấy số điện thoại của ông H; anh T nói với nhóm của bị cáo Hg “*Thôi có gì tối anh em mình nói chuyện*”;

trước khi về ông H, bà H gặp riêng bị cáo Hg và nhờ bị cáo Hg xin bị cáo H, bị cáo L giảm số tiền phải đóng tháng, bị cáo Hg đồng ý và cả nhóm đi về.

Đến 20 giờ cùng ngày, anh T điện thoại cho bị cáo H hẹn gặp tại “*quán cà phê MISU tổ dân phố n, thị trấn CT*”. Tại đây, anh T xin nhóm bị cáo Hg giảm số tiền bà H phải đóng xuống và được đồng ý giảm còn phải đóng 3.000.000đ/tháng.

Đến 07 giờ ngày 19-7-2017, bị cáo L, bị cáo Hg đang uống cà phê (*quán đối diện cây xăng gần cổng chợ Cát Tiên*), thì ông H điện thoại cho bị cáo Hg và đến gặp bị cáo Hg, bị cáo L, sau đó ông H lấy 500.000đ đưa cho bị cáo L và nói “*Các chú cầm mấy đồng uống cà phê*”, bị cáo L không nhận và nói “*Bằng này không đủ tiền đổ xăng đi từ đây vào trong đây*”, sau đó ông H đi về.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 19-7-2017, anh T điện thoại cho bị cáo H nói “*bà H nhờ giao tiền*” như đã thỏa thuận, bị cáo H điện cho bị cáo Hg nói ra nhà nghỉ “*Minh Hùng*” lấy tiền bà H đưa. Bị cáo Hg đến thì anh T đưa cho bị cáo Hg số tiền 3.000.000đ, sau đó bị cáo Hg đưa cho bị cáo H.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo H nhận điện thoại của ông H hẹn gặp tại “*quán cà phê MISU để giao tiền*”, bị cáo H, bị cáo L đến và gặp ông H, sau đó ông H nói “*bây giờ chỉ lo được số tiền 3.500.000đ đưa trước, còn lại 1.500.000đ hẹn hết tháng 7-2017 sẽ giao hết*”; bị cáo H nhận tiền thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang (*bút lục 44*).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, các bị cáo Hg, H, L còn khai nhận đã thực hiện một số vụ chiếm đoạt tài sản tại huyện Cát Tiên, cụ thể như sau:

- Vào ngày 16-7-2017, bị cáo Hg biết ông T có bầy vịt đang chăn thả tại xã QNg, huyện CT, có 01 bầy vịt khác đang chăn thả tại xã TN, bị cáo Hg điện thoại hỏi ông T về bầy vịt tại xã TN, ông T nói “*là bầy vịt của ông, được tách ra từ bầy vịt đang chăn thả tại xã QN*”. Do bị cáo Hg biết bầy vịt tại xã TN không phải của ông T (*thông qua người phụ nữ buôn bán trứng*), bị cáo Hg hẹn ông T sáng ngày 17-7-2017 gặp nhau tại quán nước đối diện cổng chợ Cát Tiên để hỏi tiền bảo kê và rủ bị cáo L đi cùng. Bị cáo Hg và ông T vào quán nước ngồi nói chuyện, bị cáo Hg hỏi “*Em nghe nói có bầy vịt của ai mới về xã TN chăn thả phải không*”; ông T nói “*là bầy vịt của anh tách ra từ bầy đang chăn thả tại xã QN*”; bị cáo Hg nói “*Em không biết, nhưng người ta nói không phải vịt của anh*”, trong khi bị cáo Hg và ông T đang nói chuyện; bị cáo L vào ngồi cùng; ông T gọi ông H (*chủ bầy vịt đang chăn thả tại xã TN*) đến nói chuyện; khi ông H đến, bị cáo Hg hỏi “*Nghe nói anh có bầy vịt mới về à*”, ông H thừa nhận là vịt của mình; bị cáo Hg nói “*Sao anh đưa vịt về đây chăn thả mà không báo bọn em, anh qua mặt bọn em à*”, ông T nói “*Anh báo tụi em rồi mà, thôi anh sai có gì cho anh xin lỗi*”; bị cáo L “*Ông đưa vịt về đây sao không báo chúng tôi, ông qua mặt bọn tôi à, vịt từ nơi khác đưa về phải thông qua bọn tôi, nếu không đóng tiền xứng đáng thì đừng có trách bọn tôi*”; bị cáo Hg nói “*Bây giờ các ông tính thế nào?*”, ông T nói “*Vậy tụi em tính đi*”, bị cáo L nói “*các ông đưa vịt về được thì các ông tự tính được*”. Thấy vậy, ông H nói: “*Anh có ít vịt chưa để, thôi*

anh gửi máy đưa 5.000.000đ uống cà phê”; thấy số tiền ít, bị cáo Hg, bị cáo L không đồng ý; bị cáo Hg gọi riêng ông Tú, ông H ra phía ngoài quán nước nói “thôi đưa cho nó (tức là đưa cho L) 7.000.000đ”; ông H đồng ý và hẹn trong một tuần giao tiền, nhưng bị cáo L không đồng ý; yêu cầu giao tiền trong ngày 20-7-2017. Đến ngày ngày 20-7-2017 ông T mang tiền đến cho bị cáo Hg, bị cáo L thì biết các bị cáo đã bị Công an huyện Cát Tiên bắt giữ.

Bị cáo Hg, bị cáo H còn khai nhận khai nhận vào khoảng tháng 6-2017, ông L nhờ ông T tìm giúp đồng chăn thả vịt; ông T gọi điện cho bị cáo Hg hỏi xem “có đồng cho vịt ăn hay không để ông Long đưa vịt về chăn thả”; bị cáo Hg nảy sinh ý định “lấy tiền cánh đồng chăn vịt của chủ vịt”, bị cáo Hg nói cho bị cáo H biết “có bầy vịt từ nơi khác muốn đưa về Cát Tiên chăn thả; rủ bị cáo H đi gặp chủ vịt để nói là đồng ruộng của mình, do mình quản lý, đảm bảo cho họ chăn thả vịt, phải đóng tiền đồng cho mình”. Bị cáo Hg, bị cáo H cùng đến khu vực cánh đồng ngoài đường lô 2 (thuộc tổ dân phố 9, thị trấn Cát Tiên) thấy các hộ dân đã và đang cắt lúa có thể chăn thả được vịt, bị cáo Hg điện thoại cho ông T nói “đã có đồng nếu muốn chăn thả phải đóng 10.000.000đ tiền đồng chăn thả”, sau đó ông T điện thoại cho ông L về giá tiền cánh đồng chăn thả và ông Long đồng ý, bị cáo Hg điện thoại cho ông Tú nói “chủ vịt đưa thêm cho bị cáo Hg 5.000.000đ, không nói cho bị cáo H biết, sẽ đưa lại cho ông T 2.000.000đ để đồ xăng”.

Đến ngày 20-6-2017, ông T điện thoại cho bị cáo Hg ra đón xe chở vịt của ông L, bị cáo H điều khiển xe mô tô chở bị cáo Hg đến ngã ba Lâm Anh (thuộc xã QN) gặp ông L. Bị cáo H điều khiển xe chở ông L đi trước đến khu vực thả vịt, trên đường đi bị cáo H nói với ông L “khu vực đồng ruộng để ông L thả vịt là của H, do bọn H quản lý, đã lo hết rồi và đảm bảo cho bầy vịt của ông L có chỗ chăn thả, ăn uống thoải mái” thì ông L nói “Rồi, rồi, anh biết rồi”. Khi đến nơi, ông L ra xem ruộng thì thấy khu vực này đã có dấu vịt ăn, nên nói với bị cáo Hg, bị cáo H “Chỗ này có vịt ăn rồi sao thả vịt xuống được”, bị cáo Hg nói “Anh cứ thả tạm thời ở đây” và chỉ tay ra khu vực ruộng lúa gần đó nói “Đây là đồng của mình, tụi em đã lo hết rồi, mai mốt họ cắt lúa anh cứ chăn thả thoải mái”. Ông L không nói gì sau đó thả vịt xuống khu vực này, sau đó các bị cáo Hg, bị cáo H và ông L đến quán “Thiên Thanh” ở gần đó uống nước. Tại đây, ông L lấy số tiền 10.000.000đ (gồm một xấp tiền mệnh giá 500.000đ) đưa cho Hg, bị cáo Hg đưa lại cho bị cáo H và nói “đây bác cả đếm lại đi”, bị cáo H đếm đủ cất vào túi của mình.

Khoảng 03 ngày sau, bị cáo Hg gọi điện cho ông T nói ông L đưa hết số tiền 5.000.000đ còn lại và tiếp tục dặn “không được cho bị cáo Huy biết”. Khoảng 15 ngày sau, ông L điện thoại cho bị cáo Hg hẹn gặp và đưa cho bị cáo Hg 5.000.000đ, số tiền nay bị cáo Hg tiêu xài cá nhân, không chia cho ông T.

Vật chứng số tiền 6.600.000đ (trong đó 6.500.000đ cường đoạt của ông H, bà H; 100.000đ của bị cáo L); 01 điện thoại di động Iphone (màu trắng sữa, màn hình cảm ứng); 01 điện thoại di động hiệu KECHAODA K116 (màu hồng); 01 điện thoại di động hiệu Masstel (màu xám); 01 xe mô tô hiệu JAMAHA biển

số 60R3-2660 (không có bửng chắn bùn phía trước, chắn hai bên, không có đèn chiếu sáng, không có giấy tờ đăng ký).

Tại Bản án số 02/2018/HSST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên đã tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Hg, Phạm Duy H phạm các tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Tuyên bố bị cáo Lại Hoàng L phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây viết tắt Bộ luật hình sự năm 1999); điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt Bộ luật hình sự năm 2015), điểm g Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng các điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng, bị cáo Huy.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 22 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hg phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 28 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy H 18 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 24 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng các điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lại Hoàng L 20 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hg nộp số tiền 10.000.000đ; bị cáo H nộp số tiền 5.000.000đ thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước;

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng; về án phí; tuyên quyền kháng cáo theo quy định;

- Ngày 12-02-2018 các bị cáo Hg, bị cáo H, bị cáo L kháng cáo cho rằng không phạm tội.

- Ngày 12-02-2018 anh P (đại diện cho bị hại anh H); bị hại chị H; cùng kháng cáo cho rằng các cáo không đe dọa uy hiếp về tinh thần, không bị thiệt hại về tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo Hg, H, L giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Người bào chữa cho bị cáo L cho rằng các bị cáo không chiếm đoạt tài sản, khách thể không bị xâm hại, hành vi khách quan không thỏa mãn dấu hiệu của tội phạm; bị cáo hưởng tiền công tìm đồng nên có việc bị cáo “đòi tiền công” đề nghị tuyên bố bị cáo L không phạm tội, trả tự do cho bị cáo L tại phiên tòa.

- Bị hại ông H, người đại diện ông Phương cho rằng ông H không phải là bị hại, không bị thiệt hại về tài sản, số tiền 3.500.000đ ông H cho các bị cáo là trả tiền công cho các bị cáo, đề nghị Tòa án xem xét.

- Bị hại bà H cho rằng không phải là bị hại, bị thiệt hại về tài sản số tiền đưa cho các bị cáo là tiền công tìm đồng.

Người liên quan kháng cáo ông L cho rằng số tiền đưa cho bị cáo Hg, bị cáo H số tiền 10.000.000đ là khoản tiền công nhờ bị cáo Hg tìm đồng chăn thả như đã thỏa thuận trước đó; 3 ngày sau có đưa cho bị cáo Hg số tiền 5.000.000đ cũng là sự thỏa thuận trước đó; không thắc mắc gì về số tiền 15.000.000đ đã đưa cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự; hủy một phần bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Hg, bị cáo H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” để điều tra, truy tố xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Hg đề xướng việc tìm chủ vịt chăn thả tại huyện Cát Tiên để “đòi tiền **bảo kê**”, nên sau khi bàn bạc; các bị cáo Hg, bị cáo H, bị cáo L có hành vi đe dọa bị hại bà H như “*Cô hỏi ai chưa mà đưa vịt xuống đây chăn, vậy là không được rồi, cô đưa vịt về đây chăn phải đưa bọn tôi tiền uống cà phê*”; bà H nói “*Thôi cô biết rồi, để cô gửi anh em tiền uống cà phê, có gì T là cháu cô sẽ nói chuyện với tụi cháu*”. Bị cáo H trao đổi số điện thoại với bà Hương, sau đó các bị cáo đi về, sau đó bà H nhờ anh T và đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 19-7-2017, anh T điện thoại cho bị cáo H nói “*bà H nhờ giao tiền*” như đã thỏa thuận, bị cáo H điện cho bị cáo Hg nói ra nhà nghỉ “*Minh Hùng*” lấy tiền bà H đưa. Bị cáo Hg đến thì anh T đưa cho bị cáo Hg số tiền 3.000.000đ, sau đó bị cáo Hg đưa cho bị cáo Huy.

Ngoài ra, các bị cáo gặp ông H tiếp tục thực hiện hành vi như hỏi ông H rằng “*Chú lên đây chăn vịt đã hỏi ai chưa mà lên?*” ông H trả lời “*lên đây chăn vịt chung với ông CH một nửa*”; bị cáo Hg nói tiếp “*Chú đừng có nói láo, chú đi đâu, làm gì tôi biết hết*”; bị cáo L nói với ông H “*Bây giờ ông muốn đi hay*

muốn ở, ông muốn bày vịt của ông dứt hết đầu à, giờ không quanh co, lằng nhằng gì nữa"; bị cáo Hg nói "*Bầy vịt của ông H mới chở về Tư Nghĩa phải đóng cho chúng tôi 7.000.000đ/tháng, ông không tin tôi đưa số điện thoại cho mà hỏi*". Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo H nhận điện thoại của ông H hẹn gặp tại "*quán cà phê MISU để giao tiền*", bị cáo H, bị cáo L đến và gặp ông H, sau đó ông H nói "*bây giờ chỉ lo được số tiền 3.500.000đ đưa trước, còn lại 1.500.000đ hẹn hết tháng 7-2017 sẽ giao hết*"; bị cáo H nhận tiền thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang (bút lục 44).

Đối chiếu giữa lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại bà H, ông H, lời khai anh T trong quá trình điều tra, biên bản phạm tội quả tang là phù hợp không mâu thuẫn. Tuy nhiên, chỉ sau khi kết thúc điều tra, các bị cáo phản cung cho rằng bị điều tra viên ép buộc; bị hại cũng thay đổi lời khai cho rằng "*không bị đe dọa, không bị thiệt hại về tài sản*". Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Cơ quan điều tra tăng cường chứng cứ nội dung ghi âm ông H tố cáo các bị cáo cưỡng đoạt tài sản và được mở nội dung ghi âm tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng thừa nhận bị cáo L nói "*ông muốn bày vịt của ông dứt hết đầu à, giờ không quanh co, lằng nhằng gì nữa*" có mặt bị cáo Hg, bị cáo H; bất bình việc bảo kê người nông dân chăn vịt. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án triệu tập điều tra viên, kiểm sát viên và xác định quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại tự nguyện khai báo thành khẩn, không bị ép cung, nhục hình.

Các bị cáo cho rằng các bị cáo là người tìm đồng cho ông H, bà H và được trả công, người bào chữa cho rằng nếu có đe dọa là nhằm mục đích đòi tiền công là không có căn cứ. Bởi lẽ thời điểm trước ngày 18-7-2017 bị hại bà H, ông H không hề quan biết nhau như diễn biến khi gặp bà Hương, bị cáo Hoàng liên hỏi "*Vịt này là của ai?*" bà H nhận vịt của mình; bị cáo Hg hỏi tiếp "*Cô ở đâu xuống, cô xuống lâu chưa*", bà H nói "*từ Di Linh xuống, mới xuống được một thời gian...*"; khi gặp ông H, bị cáo Hg hỏi ông H "*Chú lên đây chăn vịt đã hỏi ai chưa mà lên*" ông H trả lời "*lên đây chăn vịt chung với ông CH một nửa*"; bị cáo Hg nói tiếp "*Chú đừng có nói láo, chú đi đâu, làm gì tôi biết hết*". Như vậy bà Hương, ông Hải đều đang chăn thả vịt tại huyện Cát Tiên, đối chiếu lời khai của các bị cáo, lời khai của ông H, bà H là phù hợp. Với ý thức chủ quan nhằm chiếm đoạt tiền của ông H, bà H, các bị cáo thực hiện hành vi khách quan gặp các bị hại đe dọa như "*nếu muốn chăn thả phải đóng tiền hàng tháng, nếu chăn thả có người tới quây phá, hủy hoại bầy vịt thì đừng có trách*" hoặc là "*Bây giờ ông muốn đi hay muốn ở, ông muốn bày vịt của ông dứt hết đầu à, giờ không quanh co, lằng nhằng gì nữa*"; yêu cầu "*phải đóng số tiền 7.000.000đ/tháng nếu muốn tiếp tục được chăn thả vịt tại đây*". Đối chiếu lời khai các bị cáo khi bắt phạm tội quả tang, lời khai ông H, lời khai người chứng kiến, vật chứng số tiền thu giữ là phù hợp. Do vậy, cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan sai. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; kháng cáo của bị hại, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

[2] Đối với hành vi của bị cáo Hg, bị cáo H bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của ông L, đối chiếu với tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình điều tra về hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*”, các bị cáo khai nhận về hành vi nhận 15.000.000đ của ông L trong việc “*tìm đồng để cho ông L chặn thả vịt*”. Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (bút lục 03); khởi tố bị can đối với bị cáo Hg, bị cáo H (bút lục 08, 11), sau đó ban hành Quyết định nhập vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vào vụ án “*Cưỡng đoạt tài sản*” (bút lục 01). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất giữa bị hại ông L và bị cáo về hành vi khách quan các bị cáo thực hiện hành vi gian dối “*cánh đồng chặn thả vịt của bị cáo, bị hại được phép chặn thả khi chủ cách đồng đồng ý*”, bị hại tin là thật giao tài sản của bị cáo. Ngoài ra, chưa điều tra làm rõ “*cánh đồng bị cáo chỉ cho bị hại được chặn thả là của ai quản lý sử dụng trồng lúa, sau khi gặt lúa xong, các chủ vịt được phép chặn thả hay phải được phép của chủ sử dụng đất; các bị cáo có quyền gì trong việc cho chặn thả, không cho chặn thả vịt trên cánh đồng đã gặt lúa*”. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hg, bị cáo H; hủy một phần bản án sơ thẩm về hành vi này, giao hồ sơ cho Cơ quan Điều tra để điều tra lại theo thủ tục chung như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về vật chứng: Số tiền 6.500.000đ thu giữ khi bắt quả tang, trong đó số tiền 3.500.000đ của ông H; số tiền 3.000.000đ của bà H; Ông H, bà H từ chối không nhận số tiền của mình, nên cần tịch thu số tiền 6.500.000đ sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Ngoài ra, quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Iphone (màu trắng sữa, màn hình cảm ứng); 01 điện thoại di động hiệu KECHAODA K116 (màu hồng); số tiền 100.000đ cần tuyên trả lại cho bị cáo L nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án; Thu giữ của bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Masstel (màu xám) cần trả lại cho bị cáo H nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô (hiệu JAMAHA, không có bửng chắn bùn phía trước, chắn hai bên, không có đèn chiếu sáng) biển số 60R3-2660 thu giữ của bị cáo Hg. Tuy nhiên do xe không có giấy đăng ký xe, bị cáo Hg sử dụng là phương tiện đi lại, quá trình điều tra chưa xác định chủ sở hữu, nên giao chiếc xe mô tô này cho Cơ quan Công an huyện Cát Tiên xác minh chủ sở hữu xe để xử lý theo quy định pháp luật.

Liên quan số tiền 15.000.000đ cho rằng các bị cáo chiếm đoạt của ông Long được xử lý khi vụ án được điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm, nên các bị cáo Hg, bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận, nên bị cáo L phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lại Hoàng L; kháng cáo của bị hại ông Phan Hồng Hải, bà Phan Thị Mỹ H; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Hg, Phạm Duy H; Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Hg, Phạm Duy H, Lại Hoàng L phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm g Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Hg 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Duy H 18 (*Mười tám*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

- Xử phạt bị cáo Lại Hoàng L 20 (*Hai mươi*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-7-2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 2009; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.500.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Lại Hoàng L 01 điện thoại di động hiệu Iphone (*màu trắng sữa, màn hình cảm ứng*); 01 điện thoại di động hiệu KECHAODA K116 (*màu hồng*); số tiền 100.000đ nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Duy H 01 điện thoại di động hiệu Masstel (*màu xám*) nhưng được tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Giao 01 xe mô tô (*hiệu JAMAHA, không có bửng chắn bùn phía trước, chắn hai bên, không có đèn chiếu sáng*) biển số 60R3-2660 thu giữ của bị cáo Bùi Văn Hg để xác định chủ sở hữu hợp pháp để xử lý theo quy định pháp luật hành chính.

3. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm, đối với hành vi các bị cáo Bùi Văn Hoàng, bị cáo Phạm Duy H; bị xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tiến hành điều tra lại theo thủ tục chung.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Bùi Văn Hoàng, bị cáo Phạm Duy H phải 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị

cáo Lại Hoàng L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; cộng chung bị cáo L phải chịu 400.000đ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TA huyện Cát Tiên;
- VKS huyện Cát Tiên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS Cát Tiên;
- Các bị cáo (*để thi hành*);
- Bị hại Hải, Hương (*để thi hành*);
- TGV pháp lý;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Kim Đồng